

# PHÁT TRIỂN DU LỊCH XANH Ở VIỆT NAM: PHÂN TÍCH VAI TRÒ CỦA CÁC YẾU TỐ XÃ HỘI, NHẬN THỨC VÀ TÔN GIÁO

Đông Thị Thu Huyền<sup>1\*</sup>, Tăng Trí Hùng<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.

\*Tác giả liên hệ: Đông Thị Thu Huyền, dongthithuhuyen@dntu.edu.vn.

## THÔNG TIN CHUNG

Ngày nhận bài: 27/10/2025

Ngày nhận bài sửa: 20/12/2025

Ngày duyệt đăng: 31/12/2025

## TỪ KHOÁ

*Yếu tố xã hội;*

*Việt Nam;*

*Nhận thức về du lịch xanh của khách du lịch;*

*Du lịch xanh.*

## TÓM TẮT

Phát triển du lịch xanh là một định hướng quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu và suy giảm tài nguyên. Trong tiến trình này, các yếu tố xã hội đóng vai trò then chốt trong việc hình thành nhận thức và hành vi của du khách. Nghiên cứu này phân tích tác động của các yếu tố xã hội đến phát triển du lịch xanh tại Việt Nam, đồng thời làm rõ vai trò trung gian của nhận thức về du lịch xanh của du khách và vai trò điều tiết của tôn giáo. Dữ liệu được thu thập từ 360 du khách trong nước và quốc tế đã tham gia các hoạt động du lịch gắn với yếu tố bền vững, và được phân tích bằng mô hình cấu trúc tuyến tính dựa trên bình phương tối thiểu từng phần (PLS-SEM). Kết quả cho thấy các yếu tố xã hội, bao gồm hành vi lựa chọn du lịch xanh, giáo dục và đào tạo, tài nguyên du lịch văn hóa và sự tham gia của cộng đồng, đều tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê đến nhận thức và phát triển du lịch xanh. Trong đó, giáo dục và đào tạo có ảnh hưởng mạnh nhất. Đặc biệt, tôn giáo thể hiện vai trò điều tiết, làm gia tăng tác động của hành vi lựa chọn du lịch xanh đến nhận thức của du khách. Nghiên cứu góp phần mở rộng cách tiếp cận xã hội - văn hóa trong nghiên cứu du lịch xanh và gợi mở các hàm ý chính sách phù hợp với bối cảnh Việt Nam hiện nay.

## 1. GIỚI THIỆU

Du lịch xanh được hiểu là hình thức du lịch trong đó du khách thể hiện trách nhiệm đối với môi trường tự nhiên và cộng đồng địa phương (Stella Alvianna và cộng sự, 2022). Du lịch xanh hướng đến việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, góp phần bảo tồn di sản văn hóa bản địa, tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương. Trong bối cảnh

biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên đang diễn ra nghiêm trọng, việc phát triển du lịch xanh đã trở thành một xu thế tất yếu nhằm đảm bảo sự bền vững toàn diện về môi trường, kinh tế và xã hội (Andlib & Saceldo-Castro, 2021; Chien F và cộng sự, 2021).

Việt Nam với tốc độ đô thị hóa nhanh và lượng khách du lịch ngày càng tăng, đang đối mặt

với những thách thức lớn trong việc dung hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường sinh thái (Azam và cộng sự, 2018; Hoang và cộng sự, 2020). Theo Reuters (2025), Việt Nam đón gần 21 triệu lượt khách quốc tế trong năm 2025, bất chấp những áp lực về môi trường như ô nhiễm không khí và ngập lụt tại các điểm đến chính, cho thấy tăng trưởng du lịch đi kèm với các thách thức bền vững. Đặc biệt, sau giai đoạn phục hồi hậu COVID, lượng khách quốc tế đến Việt Nam tăng mạnh, với gần 19,15 triệu lượt khách trong 11 tháng năm 2025 (Vietnam National Administration of Tourism, 2025). Đồng thời, vấn đề ô nhiễm rác thải nhựa và chất thải sinh hoạt liên quan đến hoạt động du lịch đang là thách thức nghiêm trọng. Các nghiên cứu gần đây cho thấy Việt Nam có lượng rác thải nhựa lớn (ước tính vài triệu tấn/năm) và rỉ rò rỉ nhựa ra biển, ảnh hưởng trực tiếp đến tính bền vững các điểm đến du lịch (Dao Văn Hien, 2024). Về chính sách, Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển tăng trưởng xanh 2021-2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1658/QĐ-TTg) và các chương trình hành động hướng tới du lịch xanh do Bộ VH-TT&DL triển khai, tạo khung chính sách rõ ràng để hỗ trợ các biện pháp giảm thiểu rác thải và thúc đẩy du lịch bền vững. Mặc dù nhiều nghiên cứu trước đây đã xem xét vai trò của các yếu tố kinh tế, chính sách và hạ tầng trong phát triển du lịch xanh, song cách tiếp cận từ góc độ xã hội vẫn còn hạn chế, đặc biệt là việc làm rõ tác động của giáo dục, hành vi du lịch và niềm tin tôn giáo trong định hình xu hướng du lịch bền vững.

Nhận thức môi trường của du khách là yếu tố nền tảng thúc đẩy hành vi du lịch thân thiện với môi trường (Pourhossein và cộng sự, 2023). Trong đó, giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiểu biết, hình thành thái độ và khuyến khích các lựa chọn du lịch có trách nhiệm (Xingyang và cộng sự, 2023). Bên cạnh đó, hành

vi du lịch, bao gồm thói quen tiêu dùng, mức độ sẵn sàng tham gia hoạt động bảo vệ môi trường, có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng hiện thực hóa các mục tiêu phát triển du lịch xanh (Sajid và cộng sự, 2023). Đặc biệt, niềm tin tôn giáo cũng có thể định hướng cách du khách nhìn nhận và thực hành các giá trị bền vững, thông qua khung lý thuyết Giá trị - Niềm tin - Chuẩn mực (VBN). Việt Nam là đất nước có sự đa dạng về tôn giáo với các tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Tin Lành,... cùng tồn tại từ lâu và có sự ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội. Niềm tin tôn giáo mang ý nghĩa tín ngưỡng cá nhân, định hướng các chuẩn mực đạo đức và hành vi xã hội, bao gồm cả nhận thức và hành vi bảo vệ môi trường nên đóng vai trò đặc biệt trong việc khuếch đại tác động của hành vi du lịch xanh đến nhận thức xanh của du khách, góp phần hình thành thái độ tích cực hơn đối với du lịch bền vững (Aimie LB Hope, Christopher R. Jones, 2014). Tuy nhiên, mối quan hệ giữa ba yếu tố này với sự phát triển du lịch xanh vẫn chưa được nghiên cứu sâu.

Do đó, nghiên cứu xem xét vai trò điều tiết của niềm tin tôn giáo trong mối quan hệ giữa hành vi lựa chọn du lịch xanh và nhận thức về du lịch xanh của du khách, dựa trên khung lý thuyết Giá trị – Niềm tin – Chuẩn mực (VBN), theo đó các niềm tin mang tính chuẩn mực và đạo đức chủ yếu điều chỉnh mối quan hệ giữa hành vi và nhận thức, hơn là trực tiếp tạo ra hành vi mới (Stern, 2000). Các nghiên cứu thực nghiệm cho thấy tôn giáo ảnh hưởng đến cách cá nhân bằng việc gắn ý nghĩa đạo đức và đánh giá các hành vi môi trường, từ đó làm thay đổi cường độ tác động của hành vi bền vững đến nhận thức môi trường (Hope & Jones, 2014; Minton và cộng sự, 2018). Niềm tin tôn giáo mang tính nội tại và ổn định hơn, do đó được xem như một biến điều tiết, đặc biệt trong bối cảnh xã hội Việt Nam, nơi tôn giáo gắn chặt với hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức cộng đồng.

Kết quả của nghiên cứu sẽ đóng góp theo ba khía cạnh. Về mặt lý thuyết, nghiên cứu mở rộng khung lý thuyết Giá trị - Niềm tin - Chuẩn mực (VBN) bằng cách chứng minh vai trò điều tiết của tôn giáo - một yếu tố văn hóa đặc thù trong mối quan hệ giữa hành vi lựa chọn và nhận thức về du lịch xanh. Về mặt bối cảnh, đây là một trong những nghiên cứu đầu tiên kiểm định đồng thời vai trò trung gian của nhận thức và vai trò điều tiết của tôn giáo trong phát triển du lịch xanh tại Việt Nam. Về mặt phương pháp, nghiên cứu áp dụng PLS-SEM để phân tích các mối quan hệ trực tiếp, trung gian và điều tiết trong một mô hình tích hợp.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

### 2.1. Cơ sở lý thuyết

#### 2.1.1. Du lịch xanh

Du lịch xanh ngày càng được công nhận là xu hướng phát triển toàn cầu quan trọng (Barbara Maćkiewicz & Barbara Konecka-Szydłowska, 2017). Đây là hình thức du lịch này được hiểu là cách giảm thiểu ô nhiễm, du lịch xanh góp phần bảo vệ thiên nhiên, tăng cường khả năng cạnh tranh và bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, du lịch xanh tạo ra cơ hội kinh doanh mới, mang lại lợi nhuận và lợi ích cho kinh tế địa phương (Carić, 2018). Tóm lại, du lịch xanh là loại hình du lịch hướng đến bảo vệ môi trường, giữ gìn tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội cho cộng đồng địa phương.

#### 2.1.2. Nhận thức về du lịch xanh của du khách

Nhận thức về du lịch xanh của du khách là một khái niệm quan trọng trong nghiên cứu về du lịch bền vững, phản ánh mức độ hiểu biết, quan điểm và thái độ của du khách đối với các nguyên tắc và thực hành du lịch thân thiện với môi trường (Dolnicar, 2020). Theo Han và cộng sự (2010), nhận thức này không chỉ bao gồm sự hiểu biết về các tác động tích cực và tiêu cực của du lịch đối

với môi trường mà còn thể hiện sự sẵn sàng của du khách trong việc điều chỉnh hành vi để giảm thiểu tác động tiêu cực. Trong khi một số nghiên cứu tập trung vào nhận thức về du lịch xanh dưới góc độ cá nhân như nghiên cứu của Juvan & Dolnicar (2014) thì các nghiên cứu khác nhấn mạnh vào vai trò của nhận thức tập thể, trong đó các giá trị văn hóa và cộng đồng có thể ảnh hưởng đến quan điểm và hành vi du lịch xanh (Lee, Jan & Yang, 2013).

### 2.2. Giả thuyết nghiên cứu

Hành vi lựa chọn du lịch xanh và nhận thức về du lịch xanh.

Nhận thức về du lịch xanh được xem là yếu tố trung tâm trong việc định hình hành vi lựa chọn du lịch xanh của du khách. Các nghiên cứu gần đây khẳng định rằng khi du khách hiểu rõ hơn về lợi ích môi trường, kinh tế và xã hội của du lịch xanh, họ có xu hướng gia tăng ý định và hành vi tiêu dùng các sản phẩm, dịch vụ du lịch thân thiện với môi trường (Dolnicar, 2020). Những nghiên cứu thực nghiệm cũng chỉ ra rằng nhận thức về tác động môi trường, đặc biệt là dấu chân carbon của hoạt động du lịch, thúc đẩy du khách lựa chọn phương tiện giao thông xanh, cơ sở lưu trú sinh thái và các trải nghiệm gắn với bảo tồn thiên nhiên (Deodat Mwesiumo và cộng sự, 2022).

Bên cạnh đó, các nghiên cứu gần đây nhấn mạnh vai trò của tôn giáo như một yếu tố văn hóa – giá trị có khả năng củng cố mối quan hệ giữa nhận thức và hành vi môi trường. *Minton, Spielmann, Kahle & Kim (2018)* và *Ghezal Sabir, Lina M. Tennhardt, Robert Home (2025)* cũng chứng minh rằng những người có tín ngưỡng mạnh mẽ có xu hướng đề cao trách nhiệm đối với thiên nhiên và môi trường và ủng hộ các hành vi bền vững hơn khi đi du lịch.

H1: Hành vi lựa chọn du lịch xanh tác động cùng chiều với nhận thức về du lịch xanh

\* Giáo dục đào tạo và nhận thức về du lịch xanh

Giáo dục và đào tạo được xem là nền tảng quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về du lịch xanh và thúc đẩy sự chuyển đổi hành vi tiêu dùng theo hướng bền vững. Các nghiên cứu gần đây cho thấy giáo dục môi trường không chỉ cung cấp kiến thức mà còn góp phần hình thành giá trị, thái độ và năng lực hành động của cá nhân trong bối cảnh du lịch bền vững (Schubert, I và cộng sự, 2020). Các nghiên cứu của Fien, 2002; Dolnicar & Leisch, 2008 đã khẳng định rằng giáo dục cung cấp kiến thức nền tảng và thúc đẩy tư duy phản biện, giúp cá nhân hiểu rõ hơn về tác động môi trường của các hoạt động du lịch và trách nhiệm cá nhân trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Khi giáo dục về du lịch xanh được lồng ghép vào các chương trình giảng dạy và đào tạo, du khách và các bên liên quan trong ngành du lịch, bao gồm nhà quản lý và doanh nghiệp, cũng có xu hướng phát triển nhận thức sâu sắc hơn về trách nhiệm đối với môi trường (UNWTO, 2017).

H2: Giáo dục đào tạo tác động cùng chiều với nhận thức về du lịch xanh

\* Tài nguyên du lịch văn hóa và nhận thức về du lịch xanh

Tài nguyên du lịch văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về du lịch xanh thông qua việc thúc đẩy hiểu biết, thái độ và hành vi bền vững của du khách. Theo lý thuyết giá trị - niềm tin - chuẩn mực (Value-Belief-Norm Theory) của Stern (2000), khi du khách tiếp xúc với các di sản văn hóa, lễ hội truyền thống hoặc không gian văn hóa bản địa, họ sẽ có sự trân trọng đối với các giá trị lịch sử, văn hóa và môi trường của điểm đến, từ đó nâng cao nhận thức về trách nhiệm cá nhân trong việc bảo vệ tài nguyên du lịch. McKercher & Du Cros, 2002; Timothy & Boyd, 2003 cũng đã khẳng định rằng trải nghiệm du lịch văn hóa có thể tác động mạnh

mẽ đến nhận thức của du khách về du lịch xanh thông qua các yếu tố như tính xác thực, tính bền vững và sự gắn kết với cộng đồng địa phương. Đặc biệt, nghiên cứu của Poria, Reichel & Biran (2006) cho thấy rằng những du khách có sự tương tác sâu sắc với di sản văn hóa thường nhận thức rõ hơn về tác động của du lịch đối với môi trường và có xu hướng chấp nhận các hành vi du lịch có trách nhiệm.

H3: Tài nguyên du lịch văn hóa tác động cùng chiều với nhận thức về du lịch xanh

\* Sự tham gia của cộng đồng và nhận thức về du lịch xanh

Sự tham gia của cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về du lịch xanh, góp phần định hướng hành vi bền vững của cả du khách và cư dân địa phương. Theo lý thuyết mô hình quản trị du lịch dựa vào cộng đồng (Community-Based Tourism) của Murphy (1985), khi cộng đồng địa phương được trao quyền tham gia vào quá trình phát triển du lịch, họ đóng vai trò là người bảo vệ tài nguyên và trở thành tác nhân giáo dục, lan tỏa nhận thức về du lịch xanh đến du khách.

Các nghiên cứu của Okazaki (2008); Scheyvens (2002) đã nhấn mạnh rằng sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động du lịch bền vững, chẳng hạn như quản lý tài nguyên thiên nhiên, tổ chức các tour du lịch sinh thái có tác động tích cực đến nhận thức của du khách về du lịch xanh. Theo nghiên cứu của Tosun (2000), khi cộng đồng địa phương đóng vai trò chủ động trong việc cung cấp thông tin, chia sẻ tri thức về môi trường và thực hành du lịch bền vững, du khách có xu hướng hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và văn hóa bản địa, từ đó phát triển nhận thức tích cực về du lịch xanh.

Ngoài ra, nghiên cứu của Wang & Pfister (2008) cũng chỉ ra rằng khi cộng đồng tham gia vào các hoạt động du lịch theo hướng bền vững,

họ sẽ nâng cao ý thức tự bảo vệ môi trường sống của mình và tạo ra tác động lan tỏa đối với các bên liên quan, bao gồm chính quyền địa phương, doanh nghiệp và du khách.

H4: Sự tham gia của cộng đồng tác động cùng chiều với nhận thức về du lịch xanh

\* Nhận thức về du lịch xanh của du khách và phát triển du lịch xanh tại Đông Nam Bộ

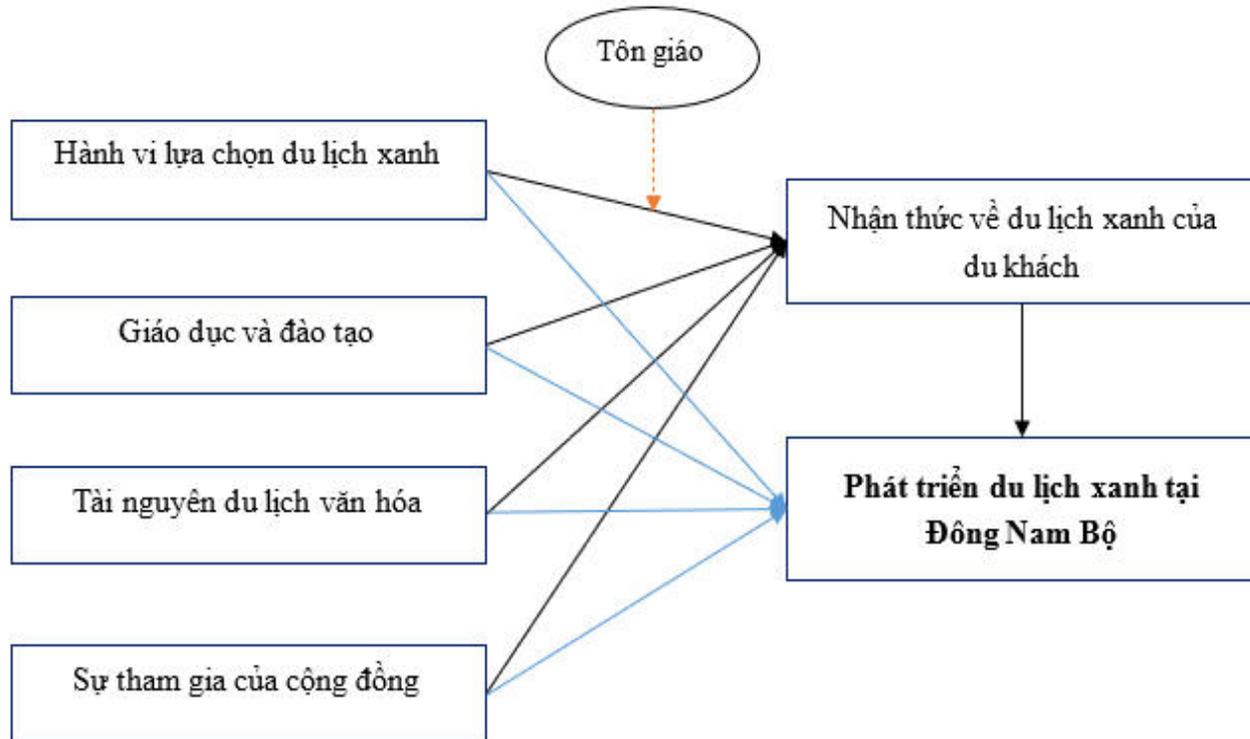
Các nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng nhận thức tích cực về lợi ích môi trường và thực hành thân thiện môi trường thúc đẩy việc lựa chọn sản phẩm và dịch vụ du lịch bền vững, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả phát triển điểm đến xanh (Vicente, 2024; Sungkawati, E. và cộng sự, 2025). Đồng thời, báo cáo đánh giá chính sách và dữ liệu thực tiễn tại Việt Nam cho thấy sự phục hồi mạnh của ngành du lịch hậu COVID đã làm

gia tăng áp lực lên môi trường điểm đến, khiến việc chuyển hóa nhận thức thành hành vi và chính sách quản lý trở nên quyết định đối với mức độ phát triển du lịch xanh ở các vùng như Đông Nam Bộ (Assessment Report, 2024). Dolnicar (2020) cũng đã chứng minh du khách có nhận thức cao về du lịch xanh sẽ có xu hướng lựa chọn các sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường, bao gồm lưu trú sinh thái, phương tiện giao thông bền vững và các hoạt động trải nghiệm gắn với bảo tồn tài nguyên.

Do đó, có thể khẳng định rằng việc nâng cao nhận thức về du lịch xanh của du khách là điều kiện tiên quyết và là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của du lịch xanh tại Việt Nam.

H5: Nhận thức về du lịch xanh của du khách tác động cùng chiều đến phát triển du lịch xanh tại Việt Nam.

### 2.3. Mô hình nghiên cứu



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

**Bảng 1:** Thang đo và biến quan sát của mô hình đề xuất

Thang đo	Viết tắt	Câu hỏi	Nguồn
Hành vi lựa chọn du lịch xanh	HV	HV1: Ưu tiên lựa chọn các tour hoặc điểm đến có hoạt động bảo vệ môi trường HV2: Có xu hướng đặt phòng hoặc sử dụng dịch vụ lưu trú đạt chứng nhận “du lịch xanh” hoặc “thân thiện môi trường” HV3: Hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần và ưu tiên sản phẩm thân thiện với môi trường	Nguyễn Đình Thanh và Nguyễn Thị Thùy Vinh (2021) Điều chỉnh của Dimanche & Havitz (1995)
Giáo dục và đào tạo	GD	GD1: Nhân viên của doanh nghiệp được đào tạo về du lịch xanh. GD2: Tham gia vào các hoạt động tình nguyện về bảo vệ môi trường GD3: Tiếp cận các kênh thông tin và truyền thông về du lịch xanh	Điều chỉnh của Ebrahim Rajabpour, Mohammad Reza Fathi & Mohsen Torabi (2022)
Tài nguyên du lịch văn hóa	TN	TN1: Việt Nam có nhiều di sản văn hóa TN2: Việt Nam có nhiều lễ hội nổi tiếng TN3: Việt Nam có nhiều khu di tích lịch sử có giá trị TN4: Việt Nam có nhiều làng nghề truyền thống, sản phẩm thủ công mỹ nghệ, sản phẩm địa phương	Nguyễn Phước Hoàng (2020), Mowforth and Munt (2015);
Sự tham gia của cộng đồng	CD	CD1: Cộng đồng địa phương tích cực tham gia phát triển du lịch CD2: Cộng đồng địa phương thân thiện CD3: Cộng đồng địa phương hỗ trợ du khách	Greg & Derek (2000); Tsung (2013); Chamidah và cộng sự (2020)
Nhận thức về du lịch xanh của du khách	NT	NT1: Tiêu thụ thực phẩm địa phương giúp giảm phát thải carbon NT2: Giảm sử dụng sản phẩm dùng một lần giúp giảm phát thải carbon NT3: Sử dụng phương tiện giao thông công cộng có thể giảm lượng khí thải carbon	Cheng, J.C.H. và cộng sự (2015)
Phát triển du lịch xanh tại Đông Nam Bộ	DLX	DLX1: Du lịch xanh góp phần cải thiện chất lượng môi trường tự nhiên tại Việt Nam. DLX2: Du lịch xanh tạo ra lợi ích xã hội tích cực cho cộng đồng địa phương DLX3: Du lịch xanh góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững tại địa phương.	Điều chỉnh của Vương Khánh Tuấn (2019)

Thang đo	Viết tắt	Câu hỏi	Nguồn
		DLX4: Các sản phẩm và dịch vụ du lịch xanh tại Việt Nam ngày càng đa dạng và chất lượng được nâng cao.	
		DLX5: Hoạt động du lịch xanh tại Việt Nam được mở rộng, thu hút nhiều du khách trong và ngoài nước.	

### 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập từ các nguồn tài liệu có độ tin cậy cao, gồm: các công trình khoa học trong và ngoài nước liên quan đến du lịch xanh, hành vi tiêu dùng, giáo dục và niềm tin tôn giáo trong hoạt động du lịch. Bên cạnh dữ liệu thứ cấp, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát sơ cấp thông qua bảng hỏi đối với 400 du khách trong nước và quốc tế tại các điểm du lịch xanh thuộc khu vực Đông Nam Bộ từ tháng 6/2025 – 9/2025, trong đó 360 bảng hỏi. Cỡ mẫu này đã vượt qua ngưỡng tối thiểu 200 người tham gia cần thiết để tiến hành phân tích SEM, theo khuyến nghị của Hair và cộng sự (2021). Mặc dù dữ liệu khảo sát được thu thập tại khu vực Đông Nam Bộ, kết quả nghiên cứu vẫn có giá trị tham chiếu cho bối cảnh Việt Nam nói chung. Đông Nam Bộ là vùng động lực của du lịch Việt Nam, tập trung đa dạng loại hình du lịch và thu hút lượng lớn du khách trong nước và quốc tế, qua đó phản ánh tương đối đầy đủ hành vi và nhận thức du lịch xanh phổ biến tại Việt Nam. Bên cạnh đó, mẫu nghiên cứu bao gồm du khách đến từ nhiều địa phương khác nhau, không giới hạn ở cư dân địa phương, giúp giảm thiểu tính cục bộ của không gian khảo sát. Nghiên cứu tập trung kiểm định các mối quan hệ lý thuyết giữa các yếu tố xã hội, nhận thức và phát triển du lịch xanh, do đó Đông Nam Bộ được lựa chọn như một trường hợp nghiên cứu tiêu biểu để rút ra các hàm ý có giá trị ở phạm vi quốc gia.

Những người tham gia được hỏi: “Bạn có

*[Nguồn: Tham khảo các nghiên cứu trước đó]*

biết về du lịch xanh và đã từng tham gia các hoạt động liên quan đến du lịch bền vững chưa?” Nếu người được hỏi trả lời “có” thì tiến hành hoàn thành khảo sát tiếp theo. Các câu trả lời mang tính chủ quan nhằm đánh giá nhận thức, hành vi và trải nghiệm của người tham gia du lịch xanh.

Các thang đo trong nghiên cứu được kế thừa và điều chỉnh từ những công trình nghiên cứu trước để phù hợp với bối cảnh thực tiễn của khu vực. Dữ liệu thu thập được sử dụng nhằm phân tích tác động của các yếu tố giáo dục, hành vi và niềm tin tôn giáo đến sự phát triển du lịch xanh, đồng thời đề xuất các hàm ý quản trị cho cơ quan quản lý và doanh nghiệp du lịch.

Để kiểm định mô hình nghiên cứu và đo lường mối quan hệ giữa các biến, nhóm tác giả đã áp dụng phân tích nhân tố khẳng định (CFA) và mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM). Nghiên cứu sử dụng mô hình SEM vì mục tiêu không chỉ dừng lại ở việc kiểm định các mối quan hệ trực tiếp, mà còn đánh giá đồng thời các mối quan hệ phức hợp, bao gồm tác động trung gian của nhận thức và tác động điều tiết của niềm tin tôn giáo trong cùng một mô hình tổng thể. SEM cho phép đánh giá đồng thời mô hình đo lường và mô hình cấu trúc, qua đó kiểm soát sai số đo lường và nâng cao độ tin cậy của ước lượng (Hair và cộng sự, 2010; 2021). Bên cạnh đó, việc áp dụng PLS-SEM đặc biệt phù hợp với mục tiêu giải thích và dự báo, cấu trúc mô hình phức hợp và cỡ mẫu trung bình, giúp nghiên cứu phản ánh chính xác hơn cơ chế tác động giữa các yếu tố xã hội, nhận

thức và phát triển du lịch xanh. Các phương pháp này cho phép đánh giá độ tin cậy của thang đo, mức độ phù hợp của mô hình, cũng như xác định mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến phát triển du lịch xanh trong khu vực.

#### 4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

##### 4.1. Kết quả thống kê mô tả

Thống kê mô tả cho thấy: (1) Giới tính: Mẫu khảo sát có sự phân bố cân bằng về giới tính, 50% nam và 50% nữ tham gia, đảm bảo tính đại diện đa chiều cho phân tích; (2) Trình độ học vấn:

phần lớn người được hỏi có trình độ đại học và sau đại học (92%), cho thấy có sự hiểu biết và năng lực để đưa ra những đánh giá về du lịch xanh và bảo vệ môi trường; (3) Tuổi: Độ tuổi trả lời chủ yếu từ 18 đến 45 tuổi (78%), trong đó nhóm tuổi 25-35 chiếm tỷ lệ lớn nhất, phản ánh lực lượng lao động trẻ và năng động. Những số liệu thống kê này sẽ cung cấp cơ sở vững chắc cho các phân tích sâu hơn và đảm bảo mẫu khảo sát có tính đại diện cao, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác thực các giả thuyết nghiên cứu và thực hiện các phân tích định lượng tiếp theo.

##### 4.2. Kiểm định thang đo

**Bảng 2.** Bảng kết quả đa cộng tuyến

CD	DLX	GD	HV	NT	TG	TN	TG x HV
	1,017			1,019			
	1,082			1,024			
	1,052			1,021			
	1,157						
				1,015			
	1,037			1,005			
				1,012			

Theo Hair và cộng sự (2010), một mô hình hồi quy được xem là không có vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng nếu giá trị VIF của các biến độc lập nhỏ hơn 10. Kết quả trong bảng cho thấy tất cả các biến độc lập đều có giá trị VIF dao động từ 1,005 đến 1,157; thấp hơn đáng kể so với ngưỡng cảnh báo, đảm bảo tính ổn định của mô hình và loại bỏ nguy cơ sai lệch trong ước lượng hồi quy do hiện tượng đa cộng tuyến.

**Bảng 3.** Kiểm định sự phù hợp của mô hình

	Saturated model	Estimated model
SRMR	0,047	0,047
d_ ULS	0,605	0,613
d_ G	0,419	0,421
Chi-square	970,937	977,860
NFI	0,801	0,799

Kết quả phân tích cho thấy chỉ số SRMR của mô hình ước lượng đạt 0,047, tương đương hoàn toàn với mô hình bão hòa (0,047). Theo Hu & Bentler (1999), mô hình có SRMR < 0,08 được xem là có mức độ phù hợp tốt, cho thấy mô hình đề xuất không có sai lệch đáng kể so với dữ liệu thực tế. Các chỉ số dULS (0,613) và dG (0,421) của mô hình ước lượng cũng rất gần với mô hình saturated (dULS = 0,605; dG = 0,419), phản ánh mức độ tương đồng cao và sự phù hợp ổn định giữa hai mô hình, mô hình nghiên cứu có độ tương thích tốt với dữ liệu quan sát, không xuất hiện sai lệch hệ thống đáng kể.

Giá trị Chi-square ( $\chi^2 = 977,860$ ) của mô hình ước lượng cao hơn mô hình bão hòa ( $\chi^2 = 970,937$ ) không đáng kể. Tuy nhiên, theo Bollen (1989), chỉ số Chi-square có thể bị ảnh hưởng bởi kích thước mẫu lớn, do đó cần được xem xét cùng các chỉ số khác để có đánh giá toàn diện hơn. Về chỉ số NFI, mô hình ước lượng đạt 0,799, gần tương đương với mô hình bão hòa (0,801). Theo Bentler & Bonett (1980), mức NFI > 0,90 được xem là đạt độ phù hợp tốt; do đó, mô hình hiện tại chỉ đạt mức khá và có thể cần điều chỉnh một số yếu tố để cải thiện độ phù hợp tổng thể. Cần lưu ý rằng trong PLS-SEM, các chỉ số độ phù hợp toàn cục như NFI, CFI hay TLI mang tính tham khảo và chưa được xem là tiêu chí quyết định như trong CB-SEM; phương pháp này chủ yếu hướng đến mục tiêu dự báo và giải thích phương sai của các biến phụ thuộc.

Dù vậy, giá trị NFI chưa cao phản ánh một hạn chế của mô hình, còn các yếu tố tiềm năng khác (chẳng hạn như chính sách, hạ tầng du lịch xanh hoặc vai trò của doanh nghiệp) chưa được đưa vào phân tích. Do đó, kết quả nghiên cứu cần được diễn giải một cách thận trọng, đồng thời mở ra hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm mở rộng mô hình và cải thiện mức độ phù hợp tổng thể.

**Bảng 4.** Kết quả của giá trị R-bình phương hiệu chỉnh

	R-square	R-square adjusted
<b>DLX</b>	0,220	0,209
<b>NT</b>	0,246	0,233

Kết quả cho thấy R-square của biến DLX (phát triển du lịch xanh) đạt 0,220, nghĩa là các biến độc lập trong mô hình có thể giải thích 22,0% sự biến thiên của phát triển du lịch xanh. Giá trị R-square adjusted (0,209) cho thấy mức độ giải thích thực sự sau khi đã điều chỉnh cho số lượng biến trong mô hình, vẫn duy trì ở mức tương đồng, chứng tỏ mô hình có tính ổn định nhất định.

Tương tự, đối với biến NT (Nhận thức về du lịch xanh của du khách) của cộng đồng, R-square đạt 0,246, cho thấy các yếu tố trong mô hình giải thích được 24,6% sự thay đổi trong nhận thức về du lịch xanh. Giá trị R-square adjusted (0,233) giảm nhẹ so với R-square, nhưng mức chênh lệch không đáng kể, cho thấy mô hình không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi số lượng biến độc lập.

Theo Cohen (1988), giá trị R-square từ 0,13 đến 0,26 là trung bình. Như vậy, giá trị R-square của cả hai biến DLX và NT đều nằm trong mức trung bình, cho thấy mô hình có khả năng giải thích ở mức chấp nhận được. Kết quả này phản ánh thực tế rằng phát triển du lịch xanh là một hiện tượng phức hợp, chịu ảnh hưởng đồng thời của nhiều yếu tố kinh tế, thể chế và công nghệ bên cạnh các yếu tố xã hội được xem xét trong nghiên cứu.

Do đó, mô hình có thể chưa bao quát hết các biến số quan trọng như chính sách và cơ chế

hỗ trợ của chính phủ, chất lượng hạ tầng du lịch xanh, vai trò của doanh nghiệp, cũng như tác động của truyền thông và chuyển đổi số trong định hướng hành vi du khách. Từ đó, mở ra

hướng nghiên cứu tiếp theo nhằm mở rộng mô hình và nâng cao năng lực giải thích đối với phát triển du lịch xanh. **Bảng 5.** Kết quả kiểm định các giả thuyết.

	Original sample (O)	Sample mean (M)	Standard deviation (STDEV)	T statistics ( O/STDEV )	P values
CD -> DLX	0,223	0,226	0,050	4,451	0,000
CD -> NT	0,132	0,130	0,052	2,538	0,011
GD -> DLX	0,249	0,250	0,047	5,289	0,000
GD -> NT	0,225	0,227	0,050	4,519	0,000
HV -> DLX	0,160	0,161	0,045	3,520	0,000
HV -> NT	0,190	0,191	0,054	3,525	0,000
NT -> DLX	0,125	0,128	0,054	2,298	0,022
TN -> DLX	0,141	0,143	0,041	3,438	0,001
TN -> NT	0,158	0,157	0,045	3,531	0,000
TG x HV -> NT	0,334	0,307	0,071	4,692	0,000

Kết quả cho thấy tất cả các mối quan hệ đều có ý nghĩa thống kê, với P-values < 0,05; khẳng định sự phù hợp của các giả thuyết nghiên cứu.

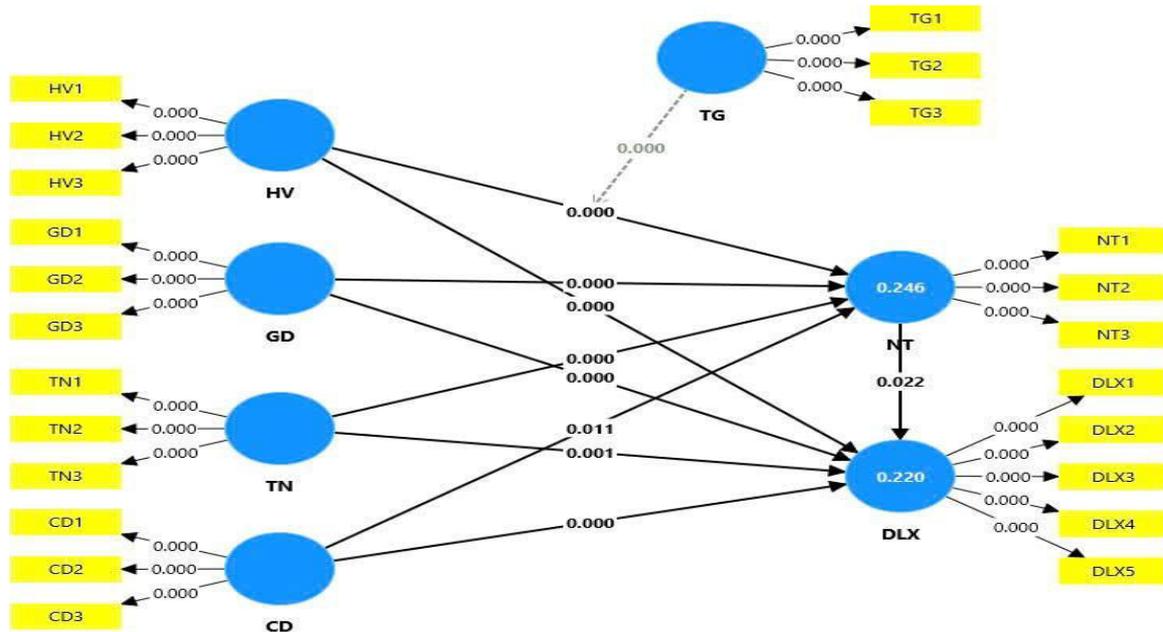
Cụ thể, các biến độc lập Sự tham gia của cộng đồng (CD), Giáo dục và đào tạo (GD), Hành vi lựa chọn du lịch xanh (HV), Nhận thức về du lịch xanh (NT), và Tài nguyên du lịch văn hóa (TN) đều có tác động dương đến Phát triển du lịch xanh (DLX) và Nhận thức về du lịch xanh (NT). Trong đó, ảnh hưởng mạnh nhất đến DLX là từ GD (O = 0,249, t = 5,289, P = 0,000), tiếp theo là CD (O = 0,223, t = 4,451, P = 0,000), cho thấy tầm quan trọng của giáo dục và sự tham gia của cộng đồng trong việc thúc đẩy phát triển du lịch xanh.

Đối với NT, biến có ảnh hưởng mạnh nhất là điều tiết giữa Tôn giáo và Hành vi lựa chọn du lịch xanh (TG x HV) với O = 0,334; t = 4,692; P = 0,000, cho thấy vai trò điều tiết của tôn giáo đối với nhận thức về du lịch xanh của du khách. Bên cạnh đó, GD (O = 0,225; t = 4,519; P = 0,000) và HV (O = 0,190; t = 3,525; P = 0,000) cũng có ảnh hưởng đáng kể đến nhận thức của du khách, nhấn mạnh sự cần thiết của giáo dục và thái độ bảo vệ môi trường trong việc nâng cao nhận thức về du lịch xanh.

Mối quan hệ giữa NT và DLX cũng đạt mức ý nghĩa thống kê (O = 0,125; t = 2,298; P = 0,022), cho thấy nhận thức về du lịch xanh có ảnh hưởng tích cực nhưng tương đối thấp đến phát

triển du lịch xanh nên mặc dù nhận thức có tác động, nhưng cần có các yếu tố khác như chính sách hỗ trợ, hạ tầng du lịch xanh và sự tham gia

của doanh nghiệp để thúc đẩy sự phát triển bền vững.



**Hình 2.** Mối quan hệ giữa các biến

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố xã hội, bao gồm hành vi lựa chọn du lịch xanh, giáo dục và đào tạo, tài nguyên du lịch văn hóa và sự tham gia của cộng đồng, đều có tác động tích cực đến nhận thức về du lịch xanh của du khách và sự phát triển du lịch xanh. Phát hiện này củng cố lập luận của lý thuyết Hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior – TPB), theo đó nhận thức và hành vi thân thiện với môi trường chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ các yếu tố xã hội và chuẩn mực xung quanh (Ajzen, 1991). Trong bối cảnh du lịch xanh, giáo dục, cộng đồng và tài nguyên văn hóa không chỉ cung cấp thông tin mà còn góp phần hình thành các chuẩn mực xã hội thúc đẩy nhận thức và hành vi bền vững của du khách.

Đáng chú ý, giáo dục và đào tạo (GD) là yếu tố có tác động mạnh nhất đến phát triển du lịch

xanh ( $\beta = 0,249$ ). Kết quả này phản ánh thực trạng rằng quá trình phát triển du lịch xanh tại Việt Nam hiện nay phụ thuộc lớn vào năng lực con người, bao gồm trình độ nhận thức, kỹ năng thực hành và ý thức trách nhiệm môi trường của du khách, người lao động và cộng đồng địa phương. Trong điều kiện nhận thức và năng lực triển khai du lịch xanh còn chưa đồng đều, giáo dục và đào tạo đóng vai trò then chốt trong việc chuyển hóa định hướng phát triển bền vững thành thực hành cụ thể, qua đó tạo ra tác động rõ nét hơn so với các yếu tố mang tính cấu trúc.

Kết quả cũng cho thấy nhận thức về du lịch xanh của du khách đóng vai trò trung gian một phần trong mối quan hệ giữa các yếu tố xã hội và phát triển du lịch xanh. Điều này phù hợp với lý thuyết Giá trị - Niềm tin - Chuẩn mực, trong đó nhận thức môi trường được xem là cơ chế trung

tâm giúp chuyển hóa các tác động xã hội thành kết quả phát triển bền vững (Stern, 2000). Tuy nhiên, mức độ tác động của nhận thức đến phát triển du lịch xanh chỉ ở mức trung bình cho thấy nhận thức là điều kiện cần nhưng chưa đủ; các yếu tố thể chế, chính sách và hạ tầng du lịch xanh vẫn giữ vai trò hỗ trợ quan trọng.

Một đóng góp nổi bật của nghiên cứu là làm rõ vai trò điều tiết của niềm tin tôn giáo trong mối quan hệ giữa hành vi lựa chọn du lịch xanh và nhận thức về du lịch xanh. Kết quả cho thấy tôn giáo làm gia tăng cường độ tác động của hành vi thân thiện môi trường đến nhận thức, hàm ý rằng cùng một hành vi có thể được nội tâm hóa khác nhau tùy theo hệ giá trị tôn giáo của du khách. Phát hiện này củng cố và mở rộng lý thuyết VBN trong bối cảnh văn hóa Á Đông, nơi tôn giáo và tín ngưỡng gắn chặt với chuẩn mực đạo đức, trách nhiệm cộng đồng và lối sống hàng ngày (Hope & Jones, 2014; Minton và cộng sự, 2018).

Từ góc độ phương pháp luận, việc áp dụng mô hình SEM cho phép nghiên cứu làm rõ đồng thời các mối quan hệ trực tiếp, trung gian và điều tiết giữa các biến, qua đó cung cấp góc nhìn toàn diện về vai trò của các yếu tố xã hội, nhận thức và giá trị cá nhân trong phát triển du lịch xanh (Hair và cộng sự, 2021).

### 4.3. Hạn chế của nghiên cứu

Mặc dù đạt được những kết quả có ý nghĩa, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định. Thứ nhất, biến phụ thuộc Phát triển du lịch xanh được đo lường chủ yếu dựa trên nhận thức chủ quan của du khách, trong khi đây là một khái niệm đa chiều phản ánh các kết quả kinh tế, xã hội và môi trường ở cấp độ vĩ mô. Do đó, các đánh giá trong nghiên cứu có thể chưa phản ánh đầy đủ thực trạng phát triển du lịch xanh của khu vực nghiên cứu. Thứ hai, dữ liệu khảo sát được thu thập tại một thời điểm, chưa cho phép xem

xét sự thay đổi động theo thời gian của nhận thức và hành vi du lịch xanh. Thứ ba, nghiên cứu tập trung vào các yếu tố xã hội, nhận thức và tôn giáo, trong khi các yếu tố quan trọng khác như chính sách công, chất lượng hạ tầng du lịch xanh, vai trò của doanh nghiệp và tác động của truyền thông chưa được đưa vào mô hình. Ngoài ra, có thể mở rộng khảo sát sang các vùng khác sẽ giúp tăng cường hơn nữa khả năng khái quát hóa của kết quả trong các nghiên cứu tiếp theo, cũng như mở rộng mô hình để nâng cao năng lực giải thích về phát triển du lịch xanh.

## 5. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu mang lại những hàm ý quan trọng cho việc hoạch định và thực thi chính sách phát triển du lịch xanh tại Việt Nam, nhấn mạnh vai trò trung tâm của các yếu tố xã hội trong việc thúc đẩy nhận thức và hành vi du lịch bền vững. Trên cơ sở các kết quả định lượng, các hàm ý chính sách có thể được nhóm thành bốn hướng can thiệp trọng tâm, bao gồm: giáo dục – đào tạo, nâng cao nhận thức của du khách, tăng cường sự tham gia của cộng đồng và phát huy vai trò của tôn giáo trong quản trị du lịch xanh.

Thứ nhất, giáo dục và đào tạo cần được xem là đòn bẩy chính sách ưu tiên trong phát triển du lịch xanh. Do yếu tố giáo dục và đào tạo có mức tác động mạnh nhất đến phát triển du lịch xanh, các cơ quan quản lý nhà nước cần ưu tiên phân bổ ngân sách và nguồn lực cho các chương trình đào tạo chuyên biệt về du lịch xanh. Các chương trình này nên hướng đến cả lao động trong ngành du lịch, cộng đồng địa phương tại điểm đến và du khách, với nội dung cụ thể như quản lý và phân loại rác thải tại điểm du lịch, giảm phát thải carbon trong vận chuyển và lưu trú, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, cũng như khuyến khích tiêu dùng sản phẩm địa phương và dịch vụ thân thiện với môi trường. Việc chuẩn hóa và lồng ghép các nội dung này vào chương trình đào tạo nghề du

lịch sẽ góp phần nâng cao năng lực thực hành du lịch xanh một cách bền vững.

Thứ hai, nâng cao nhận thức của du khách cần được xác định là cơ chế trung gian then chốt trong quá trình chuyển hóa các tác động xã hội thành kết quả phát triển du lịch xanh. Các chính sách phát triển du lịch không nên chỉ tập trung vào gia tăng số lượng khách mà cần gắn chặt các hoạt động giáo dục, truyền thông và trải nghiệm du lịch với mục tiêu nâng cao nhận thức môi trường của du khách. Cụ thể, tại các điểm đến du lịch, cần tăng cường hệ thống thông tin, hướng dẫn và truyền thông trực quan về bảo vệ môi trường, đồng thời khuyến khích du khách tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch xanh như hạn chế sử dụng nhựa dùng một lần, sử dụng phương tiện giao thông thân thiện môi trường và tôn trọng tài nguyên văn hóa – tự nhiên địa phương.

Thứ ba, sự tham gia của cộng đồng địa phương cần được thúc đẩy như một yếu tố hỗ trợ quan trọng cho phát triển du lịch xanh. Các chính sách nên tạo điều kiện để cộng đồng tham gia sâu hơn vào quá trình cung cấp dịch vụ, bảo tồn tài nguyên và truyền tải các giá trị văn hóa – môi trường đến du khách. Việc gắn lợi ích kinh tế của cộng đồng với các hoạt động du lịch xanh sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, đồng thời tạo ra hiệu ứng lan tỏa tích cực trong việc hình thành chuẩn mực xã hội hướng tới du lịch bền vững.

Thứ tư, cần phát huy vai trò của tôn giáo và các thiết chế văn hóa – xã hội trong truyền thông và quản trị du lịch xanh. Kết quả nghiên cứu cho thấy tôn giáo có khả năng khuếch đại tác động của hành vi du lịch xanh đến nhận thức của du khách; do đó, các thông điệp về bảo vệ môi trường và du lịch có trách nhiệm nên được lồng ghép vào các hoạt động truyền thông cộng đồng thông qua các tổ chức tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng

và sinh hoạt văn hóa. Cách tiếp cận này không chỉ giúp nâng cao tính chấp nhận xã hội của các chính sách du lịch xanh mà còn góp phần định hình chuẩn mực đạo đức và lối sống thân thiện với môi trường, phù hợp với bối cảnh văn hóa Việt Nam hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aimie LB Hope, Christopher R. Jones (2014), The impact of religious faith on attitudes to environmental issues and Carbon Capture and Storage (CCS) technologies: *A mixed methods study, Technology in Society, 38*, Pages 48-59
- Alvianna, S., Hidayatullah, S., Windhyastiti, I., & Khourouh, U. (2022). The role of green tourism perception, environmental concern and intention of participation in green tourism on environmentally responsible tourism behavior. *Jurnal Manajemen dan Kewirausahaan (JMDK), 10(1)*, 79–87.
- Andlib, Z., & Salcedo-Castro, J. (2021). Impacts of tourism and governance on CO<sub>2</sub> emissions in selected South Asian countries. *Ethnoeconomics, 20(2)*, 385–396.
- Azam, M., Alam, M. M., & Hafeez, M. H. (2018). Effect of tourism on environmental pollution: Further evidence from Malaysia, Singapore and Thailand. *Journal of Cleaner Production, 190*, 330–338.
- Bentler, P. M., & Bonett, D. G. (1980). Significance tests and goodness of fit in the analysis of covariance structures. *Psychological Bulletin, 88(3)*, 588–606.
- Chamidah, N., Guntoro, B., & Sulastri, E. (2020). Marketing communication and synergy of pentahelix strategy on satisfaction and sustainable tourism. *The Journal of Asian Finance, Economics and Business, 7(3)*, 177–190.

- Cheng, J. C. H., Chiang, A. H., Yuan, Y., & Huang, M. Y. (2018). Exploring antecedents of green tourism behaviors: A case study in suburban areas of Taipei, Taiwan. *Sustainability*, 10(6), 1928.
- Chien, F., Ajaz, T., Andlib, Z., Chau, K. Y., Ahmad, P., & Sharif, A. (2021). The role of technology innovation, renewable energy and globalization in reducing environmental degradation in Pakistan: A step towards sustainable environment. *Renewable Energy*, 177, 308–317.
- Cohen, J. (2013). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). New York: Routledge.
- Dao, V. H., Do, X. D., Dinh, T. L., & Le, T. L. (2024). Assessment of plastic waste generation and environmental leakage in Hai An Ward, Nghi Son Town, Thanh Hoa Province. *VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences*, 40(1S), 40–50. <https://doi.org/10.25073/2588-1094/vnuees.5201>
- Dimanche, F., & Havitz, M. E. (1995). Consumer behavior and tourism: Review and extension of four study areas. *Journal of Travel & Tourism Marketing*, 3(3), 37–57.
- Dolnicar, S. (2020). Designing for more environmentally friendly tourism. *Annals of Tourism Research*, 84, 102933. <https://doi.org/10.1016/j.annals.2020.102933>
- Dolnicar, S., & Leisch, F. (2008). An investigation of tourists' patterns of obligation to protect the environment. *Journal of Travel Research*, 46(4), 381–391.
- Ghezal Sabir, Lina M. Tennhardt, Robert Home (2025), Heaven and earth: a systematic review of theories on the relationship between religion and environmental behaviour, *Discover Sustainability*.
- Government of Vietnam. (2021, October 1). *Decision No. 1658/QĐ-TTg approving the National Green Growth Strategy for the period 2021–2030, with a vision to 2050*. Prime Minister of Vietnam. <https://en.baochinhphu.vn/national-green-growth-strategy-for-2021-2030-vision-towards-2050-11142515.htm>
- Hair, J. F. Jr., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate data analysis* (7th ed.). Upper Saddle River, NJ: Prentice Hall.
- Hair, J. F. Jr., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., Sarstedt, M., Danks, N. P., & Ray, S. (2021). *Partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM) using R: A workbook*. Cham: Springer Nature.
- Han, H., Hsu, L. T. J., & Sheu, C. (2010). Application of the theory of planned behavior to green hotel choice: Testing the effect of environmentally friendly activities. *Tourism Management*, 31(3), 325–334.
- Hoang, T. T. H., Van Rompaey, A., Meyfroidt, P., Govers, G., Vu, K. C., Nguyen, A. T., ... & Vanacker, V. (2020). Impact of tourism development on the local livelihoods and land cover change in the Northern Vietnamese highlands. *Environment, Development and Sustainability*, 22, 1371–1395.
- Hu, L. T., & Bentler, P. M. (1999). Cutoff criteria for fit indexes in covariance structure analysis: Conventional criteria versus new alternatives. *Structural Equation Modeling: A Multidisciplinary Journal*, 6(1), 1–55.
- Juvan, E., & Dolnicar, S. (2014). The attitude–behaviour gap in sustainable tourism. *Annals of Tourism Research*, 48, 76–95.

- Lee, T. H., Jan, F. H., & Yang, C. C. (2013). Conceptualizing and measuring environmentally responsible behaviors from the perspective of community-based tourists. *Tourism Management*, 36, 454–468.
- McKercher, B., & Du Cros, H. (2002). *Cultural tourism: The partnership between tourism and cultural heritage management*. Routledge.
- Minton, E. A., Spielmann, N., Kahle, L. R., & Kim, C. H. (2018). The subjective norms of sustainable consumption: A cross-cultural exploration. *Journal of Business Research*, 82, 400–408.
- Murphy, P. E. (1985). *Tourism: A community approach*. Methuen.
- Mwesiumo, D., Halfdanarson, J., & Shlopak, M. (2022). Navigating the early stages of a large sustainability-oriented rural tourism development project: Lessons from Træna, Norway. *Tourism Management*, 89, 104456. <https://doi.org/10.1016/j.tourman.2021.104456>
- Nguyen, D. T., & Nguyen, T. T. V. (2021). Factors influencing green tourism choice behavior in Vietnam. *International Journal of Management and Economics*, 57(2), 45–56.
- Nguyen, P. H. (2020). Factors influencing the sustainable development of ecotourism in Ca Mau province. *Can Tho University Science Journal*, 56(2), 185–194.
- Okazaki, E. (2008). A community-based tourism model: Its conception and use. *Journal of Sustainable Tourism*, 16(5), 511–529.
- Reuters. (2025, December 16). *Foreign arrivals to Vietnam hit record high despite pollution and floods*. <https://www.reuters.com/world/asia-pacific/foreign-arrivals-vietnam-hit-record-high-despite-pollution-floods-2025-12-16/>
- Schubert, I., Sohre, A., & Ströbel, M. (2020). The role of lifestyle, quality of life preferences and geographical context in personal air travel. *Journal of Sustainable Tourism*, 28(10), 1519–1550. <https://doi.org/10.1080/09669582.2020.1745214>
- Sungkawati, E., Limgiani, L., Hernanik, N. D., & Pribadi, N. W. (2025). Drivers of eco-responsible tourism: The role of green tourism perception and environmental awareness. *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure*, 14(2), 334–342. <https://doi.org/10.46222/ajhtl.19770720.614>
- Vicente, J. M. (2024). Green tourist behavior analysis and its relationship with digital green marketing and visitors' environmental attitudes. *Journal of Hospitality and Tourism Insights*. Advance online publication. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S2577444124000522>
- Vietnam National Administration of Tourism. (n.d.). International tourism statistics. <https://vietnamtourism.gov.vn/en/statistic/international>
- Vietnam Sustainable Tourism for Social Development Project. (2024). Assessment of policy and model of sustainable tourism development in Vietnam (Report). <https://st4sd.vn/wp-content/uploads/2024/08/Assessment-of-policy-and-model-of-sustainable-tourism-development-in-Vietnam-1.pdf>
- Wang, Y., & Pfister, R. E. (2008). Residents' attitudes toward tourism and perceived personal benefits in a rural community. *Journal of Travel Research*, 47(1), 84–93

# GREEN TOURISM DEVELOPMENT IN VIETNAM: AN ANALYSIS OF THE ROLES OF SOCIAL FACTORS, PERCEPTION, AND RELIGION

Dong Thi Thu Huyen<sup>1\*</sup>, Tang Tri Hung<sup>1</sup>

<sup>1</sup>*Dong Nai Technology University.*

\*Corresponding author: *Dong Thi Thu Huyen, dongthithuhuyen@dntu.edu.vn.*

## GENERAL INFORMATION

---

Received date: 27/10/2025

Revised date: 20/12/2025

Accepted date: 31/12/2025

## KEYWORD

---

*Social factors;*

*Vietnam;*

*Tourists' perception of green tourism;*

*Green tourism.*

## ABSTRACT

Green tourism development has become an important strategic orientation to meet sustainability requirements in the context of climate change and resource depletion. In this process, social factors play a crucial role in shaping tourists' perceptions and behaviors. This study examines the impact of social factors on green tourism development in Vietnam, while clarifying the mediating role of tourists' green tourism perception and the moderating role of religion. Data were collected from 360 domestic and international tourists who had participated in tourism activities associated with sustainability and were analyzed using partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM). The results indicate that social factors, including green tourism choice behavior, education and training, cultural tourism resources, and community participation, have positive and statistically significant effects on both green tourism perception and green tourism development. Among these factors, education and training exert the strongest influence. Notably, religion demonstrates a significant moderating effect by strengthening the relationship between green tourism choice behavior and tourists' perception. This study contributes to extending the socio-cultural perspective in green tourism research and provides policy implications relevant to the contemporary Vietnamese context.

---